

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST
Ngày: 02-11-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng
2. Bà Nguyễn Hạnh Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 30/3/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 21/5/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 39/2021/QĐST-KDTM ngày 18/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH DF; địa chỉ: Thửa đất số 175, tờ bản đồ số DC10, đường số 6, Khu công nghiệp Vsip 1, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thúy N, chức vụ: Nhân viên; địa chỉ liên hệ: Số 17.01K-B, chung cư H.B.P-T.Bình, khu phố 4, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại P; địa chỉ: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, đường ĐX 06, khu phố H, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Ngày 05/5/2019, giữa Công ty TNHH DF và Công ty TNHH Thương mại P ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP. Theo hợp đồng, Công ty TNHH DF bán cho Công ty TNHH Thương mại P mặt hàng sơn. Công ty TNHH DF đã giao đầy đủ số lượng và đã xuất 05 hóa đơn giá trị gia tăng cho VAT cho Công ty TNHH Thương mại P; cụ thể: Hóa đơn số 0000044 ngày 05/6/2019; Hóa đơn số 0000048 ngày 12/6/2019; Hóa đơn số 0000051 ngày 17/6/2019; Hóa đơn số 0000056 ngày 21/6/2019 và Hóa đơn số 0000073 ngày 31/7/2019

Theo Điều IV của Hợp đồng đã ký kết, Công ty TNHH Thương mại P sẽ thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty TNHH DF xuất hóa đơn.

Đến thời hạn thanh toán tiền theo thỏa thuận, dù Công ty TNHH DF nhiều lần liên lạc bằng điện thoại, gửi email, gửi công văn và gặp trực tiếp để yêu cầu Công ty TNHH Thương mại P thanh toán nợ theo đúng thời hạn thỏa thuận nhưng Công ty TNHH Thương mại P không thanh toán làm ảnh hưởng đến tài chính của Công ty TNHH DF, gây khó khăn đến việc chi trả lương cho nhân viên và thanh toán nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Tổng số lượng sơn tính trên công nợ Công ty TNHH Thương mại P chưa thanh toán là 9.098 kg, tương ứng số tiền 398.431.440 đồng.

Vì vậy, Công ty TNHH DF đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại P thanh toán tổng số tiền 459.303.291 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 398.431.440 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo Điều IV của Hợp đồng đã ký kết với lãi suất 12%/ năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 31/10/2019 tạm tính là 60.871.851 đồng.

Sau khi Công ty TNHH DF khởi kiện, ngày 01/4/2021, Công ty TNHH Thương mại P đã chuyển khoản thanh toán 20.000.000 đồng tiền gốc. Kể từ ngày 01/4/2021 đến nay Công ty TNHH Thương mại P chưa trả thêm tiền gốc và tiền lãi cho Công ty TNHH DF.

Tại phiên tòa công ty Công ty TNHH DF yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại P thanh toán tổng số tiền 475.268.722 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 378.431.440 đồng, tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 12%/ năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 31/10/2019 tính đến ngày 02/11/2021 là: 96.837.282 đồng.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại P không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Công ty TNHH Thương mại P.

Tại Công văn số 442/ĐKKD ngày 22/4/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin: Căn cứ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký lưu trữ tại Phòng đăng ký kinh doanh và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH Thương mại P, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702299474, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 30/3/2021; địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, khu phố H, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; thường trú: Khu phố 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Khu phố 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chia tách, sát nhập hay giải thể của doanh nghiệp Công ty TNHH Thương mại P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Nguyên đơn đã chứng minh được có việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP ngày 05/5/2019 với bị đơn, hai bên đã thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bị đơn đã thừa nhận và cam kết thanh toán nợ nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty TNHH Thương mại P có trụ sở hoạt động tại phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại biên bản xác minh ngày 20/4/2021, Ủy ban nhân dân phường V cung cấp thông tin Công ty TNHH Thương mại P vẫn hoạt động tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, đường ĐX 06, khu phố H, phường V,

thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chia tách, sát nhập hay giải thể của doanh nghiệp Công ty TNHH Thương mại P.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, đã triệu tập hợp lệ bị đơn vào các ngày 15/4/2021, 04/5/2021 và ngày 21/5/2021 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và để bị đơn tiếp cận chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, chứng cứ do Tòa án thu thập được nhưng Công ty TNHH Thương mại P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Công ty TNHH DF yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại P phải trả tổng số nợ tính đến hết ngày 02/11/2021 là 475.268.722 đồng, trong đó tiền nợ gốc 378.431.440 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 96.837.282 đồng căn cứ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP, ngày 05/5/2019.

[3] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP, ngày 05/5/2019 ký kết giữa Công ty TNHH DF và Công ty TNHH Thương mại P:

- Về hình thức: Hợp đồng nêu trên được người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH DF là bà Ngô Lệ Hoàng và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại P là ông Nguyễn Văn T1 chức vụ giám đốc ký kết xác nhận và có đóng dấu của hai công ty. Do đó, hình thức của hợp đồng được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP, ngày 05/5/2019 ký kết dựa trên sự tự nguyện của hai bên, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành và đã được hai bên thực hiện.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 378.431.440 đồng:

Dựa vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 05/5/2019, giữa Công ty TNHH DF và Công ty TNHH Thương mại P đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP, nội dung Công ty TNHH DF bán mặt hàng sơn dùng trong công nghiệp phủ sơn, quy cách và số lượng sản phẩm sẽ được Công ty TNHH Thương mại P liệt kê theo yêu cầu thể hiện trong từng đơn hàng cụ thể. Công ty TNHH Thương mại P có trách nhiệm thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty TNHH DF xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Theo 05 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000044 ngày 05/6/2019; hóa đơn số 0000048 ngày 12/6/2019; hóa đơn số 0000051 ngày 17/6/2019; hóa đơn số 0000056 ngày 21/6/2019 và hóa đơn số 0000073 ngày 31/7/2019 Công ty TNHH DF đã xuất và giao cho Công ty TNHH Thương mại P khối lượng hàng hóa với tổng trị giá là 398.431.440 đồng (bao gồm 10% VAT).

Tại bản Cam kết thanh toán nợ ngày 24/11/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại P là ông Nguyễn Văn T1 đã xác nhận Công ty TNHH Thương mại P còn nợ Công ty TNHH DF tổng số tiền 398.431.440 đồng. Công ty TNHH DF thừa nhận ngày 01/4/2021 Công ty TNHH Thương mại P đã chuyển khoản thanh toán 20.000.000 đồng tiền gốc.

Công ty TNHH DF đã chứng minh được có việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP ngày 05/5/2019, hai bên đã thực hiện hợp đồng, Công ty bị đơn đã thừa nhận và cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện cam kết. Do đó có căn cứ buộc Công ty TNHH Thương mại P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc 378.431.440 đồng theo yêu cầu của Công ty TNHH DF.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 02/11/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) theo cách tính và bảng tính lãi số tiền 96.837.282 đồng:

Tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP ngày 05/5/2019, Công ty TNHH DF và Công ty TNHH Thương mại P có thỏa thuận: *“Nếu Bên mua không thanh toán đúng hạn, thì bên Mua phải chịu thêm phần tiền lãi do thanh toán chậm tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 12%/năm tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tiền lãi sẽ được cộng vào công nợ khi thanh toán.”*

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Theo kết quả xác minh về lãi suất tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch thị xã TU, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng Giao dịch thị xã TU và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông- Chi nhánh TU thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn tại thời điểm tháng 9 năm 2020 từ 10% - 12%/tháng. Như vậy mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng dựa trên ý chí tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật nên Công ty TNHH DF yêu cầu Công ty TNHH Thương mại P phải trả lãi chậm thanh toán tính trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 12%/năm tại thời điểm thanh toán có căn cứ chấp nhận.

Theo thỏa thuận tại mục 2 Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa, thời hạn thanh toán là 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Dựa trên các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, theo bảng tính lãi và cách tính lãi mà người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH DF trình bày tại phiên tòa, Công ty TNHH Thương mại P phải thanh toán tiền lãi như sau:

Tại thời điểm tháng 6/2019 Công ty TNHH DF đã xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000044 ngày 05/6/2019; hóa đơn số 0000048 ngày 12/6/2019; hóa đơn số 0000051 ngày 17/6/2019; hóa đơn số 0000056 ngày 21/6/2019 với tổng số tiền

261.373.640 đồng. Thời hạn tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/4/2021 là 18 tháng nhân với lãi suất 12%/năm thành tiền 47.047.255 đồng.

Ngày 31/7/2019 Công ty TNHH DF đã xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000073 với số tiền 137.057.800 đồng. Thời hạn tính lãi từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/4/2021 là 17 tháng nhân với lãi suất 12%/năm thành tiền 23.299.826 đồng.

Từ ngày 02/4/2021 Công ty TNHH Thương mại P còn nợ Công ty TNHH DF số tiền gốc 378.431.440 đồng. Tính từ ngày 02/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/11/2021 là 07 tháng nhân với lãi suất 12%/năm thành tiền 26.490.200 đồng.

Tổng tiền lãi Công ty TNHH Thương mại P phải thanh toán trả Công ty TNHH DF là 96.837.282 đồng.

Tổng tiền gốc và lãi Công ty TNHH Thương mại P phải thanh toán cho Công ty TNHH DF là 475.268.722 đồng.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 24, 50 và 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH DF đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

1.1 Chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02-2019/DF-THP ngày 05/5/2019 giữa Công ty TNHH DF với Công ty TNHH Thương mại P.

1.2 Buộc Công ty TNHH Thương mại P phải thanh toán cho Công ty TNHH DF số tiền 475.268.722 đồng (Bốn trăm bảy mươi năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền gốc 378.431.440 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 96.837.282 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải

thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Công ty TNHH DF số tiền 11.186.000 đồng (*Mười một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052287 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH Thương mại P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 23.011.000 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm mười một nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Đỗ Thị Lan Hương

